

THỰC TRẠNG VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGUỒN CÂY DƯỢC LIỆU TẠI XÃ QUY HÓA, HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

TRẦN THẾ HÙNG

Trường Đại học Quảng Bình

ĐINH THỊ LỆ GIANG

Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

1. Mở đầu

Xã Quy Hóa, huyện Minh Hóa là một xã miền núi tại tỉnh Quảng Bình với đa số diện tích là đồi núi, diện tích che phủ rừng cao và đa dạng về thành phần loài, trong đó có nhiều loài cây dược liệu quý hiếm. Tuy nhiên, hiện trạng khai thác lâm sản và lâm sản ngoài gỗ trái phép, không được kiểm soát đã dẫn đến suy giảm nguồn tài nguyên rừng, suy giảm đa dạng sinh học, suy giảm nguồn dược liệu quý của địa phương.

Bên cạnh đó, người dân ở đây mặc dù có kho tàng lớn về kiến thức bản địa trong việc sử dụng các loài cây thuốc nhưng một thực trạng đáng lo ngại là kinh nghiệm đó chỉ tập trung ở những người già, người lớn tuổi, những người trẻ không quan tâm nhiều đến các kinh nghiệm dân gian này. Sự giảm nguồn cây dược liệu trong tự nhiên, kiến thức y học cổ truyền và giá trị sử dụng thuốc dược liệu của người dân địa phương là vấn đề đáng quan tâm tìm hiểu. Kết quả nghiên cứu của bài báo này phần nào làm sáng tỏ vấn đề đó và đồng thời đưa ra các biện pháp quản lý, sử dụng, bảo tồn hiệu quả nguồn tài nguyên này.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật có khả năng làm cây dược liệu trên địa bàn xã Quy Hóa, huyện Minh Hóa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

- Nghiên cứu các tài liệu về cây thuốc, bài thuốc dân gian ở Việt Nam, tham khảo các đề tài, công trình nghiên cứu về cây dược liệu trên cả nước và tại tỉnh Quảng Bình.

- Thu thập tài liệu, số liệu tại lâm trường huyện Minh Hóa và hội Đông y Minh Hóa về các loài cây dược liệu tại vùng nghiên cứu.

2.2.2. Phương pháp điều tra thực địa

Tiến hành điều tra thực địa tại khu vực nghiên cứu (KVNC) để: Xác định thực trạng cây dược liệu tại KVNC; thu thập mẫu vật các loài cây.

2.2.3. Phương pháp phỏng vấn

- Tiến hành phỏng vấn hộ gia đình (50 hộ) tại vùng nghiên cứu về các loài cây làm thuốc, công dụng và bộ phận sử dụng trong việc phòng, chữa bệnh, giá trị kinh tế của chúng ở địa phương.

- Tiến hành phỏng vấn chuyên gia: các nhà đông y trên địa bàn xã.

- Xác định tên địa phương của loài sau khi phỏng vấn người dân và các nhà đông y.

2.2.4. Phương pháp đối chiếu mẫu

- Đối chiếu mẫu theo Phạm Hoàng Hộ (1993) [3] và theo phần mềm sinh vật học từ điển cây cỏ Việt Nam để xác định tên khoa học của loài.

- Xác định dạng sống, công dụng của các loài thực vật và nhóm cây làm thuốc dựa vào các tài liệu: “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam” của Đỗ Tất Lợi (1986) [5], “cây thuốc Việt Nam” của Lê Trần Đức (1995) [4].

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thành phần các loài cây dược liệu hiện có ở KVNC

Qua điều tra, khảo sát thực địa tại 8 địa điểm của KVNC ở các dạng sinh cảnh khác nhau như rừng tự nhiên, rừng phục hồi, trồng cây bụi, trồng cỏ, vườn rừng và vườn hộ gia đình, đồng thời tiến hành phỏng vấn nhanh 50 hộ dân sống tại đây, chúng tôi thống kê và định danh được 77 loài thực vật có giá trị dược liệu [1], [2], [6]. Đó là các loài như *Drynaria forunei* J.Sm., *Cibotium barometz* (L)J.Sm., *Cyclosorus parasitica* (L) Fawell. thuộc họ DRYOPTERIDACEAE, *Cycas pectinata* Griff., *Cycas revoluta* Thunb. thuộc họ CYCADACEAE, *Artemisi vulgaris* L., *Eclipta prostrata* L., *Lactuca indica* L., *Wedelia chinensis* (Osh) Merr., *Xanthium strumarinum* L., *Chrysanthemum indicum* L., *Ageratum conyzoides* L. thuộc họ ASTERACEAE, *Momordica charantia* L., *Luffa cylindrica* Croem., *Benincasa hispida* Cogn., *Cucurbita pepo* L. thuộc họ

CUCURBITACEAE, *Leonurus heterophyllus* Sue., *Ocimum sanctum* L., *Perilla frutescens* L., *Mentha arvensis* L., *Coleus amboinicus* Lour. thuộc họ LAMIACEAE, *Musaenda camboriara* Direrre., *Paederia scandens* (Lour.) Merr., *Morinda officinalis* How. thuộc họ RUBIACEAE, *Angelica sinensis* (Oliv.) Diels. thuộc họ APIACEAE, *Sophora japonica* L. thuộc họ FABACEAE, *Smilax glara* Roxb.(*Smilax hookeri* Kunth), *Allium fistulosum* L. thuộc họ LILIACEAE, *Coix lachryma-jobi* L., *Imparata cylindrica* (L) Beauv., *Cymbopogon citratus* (DC) thuộc họ POACEAE, *Alpinia offianarum* Hance., *Curcuma domestica* Val., *Zingiber officinale* Roscoe., *Maranta arundinacea* L. thuộc họ ZINGIBERACEAE, *Alocasia maceorrhiza* (L.) G.Dou., *Homalomena alomtica* (Roxb.) thuộc họ ARACEAE... và nhiều loài khác.

Mặc dù thành phần các loài cây dược liệu ở đây khá phong phú nhưng phân bố không đều trong các ngành, lớp, họ thực vật khác nhau.

Bảng 1: Phân bố các loài cây dược liệu

STT	Tên ngành, lớp	Tên khoa học	Số họ		Số chi		Số loài	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Thông đất	Lycopodiophyta	1	2,7	1	1,36	1	1,3
2	Dương xỉ	Polypodiophyta	1	2,7	3	4,08	3	3,9
3	Hạt trần	Gymnospermatophyta	2	5,4	2	2,72	3	3,9
4	Hạt kín	Angiospermatophyta	33	89,2	67	91,84	70	90,9
	1. Lớp 2 lá mầm	Dicotyledoneae	24	64,9	47	64,64	50	64,9
	2. Lớp 1 lá mầm	Monocotyledoneae	9	24,3	20	27,2	20	26
Tổng số			37	100	73	100	77	100

Từ kết quả nghiên cứu trình bày ở bảng 1, chúng tôi nhận xét:

*** Bậc ngành:**

- Số họ: ngành hạt kín (Angiospermatophyta) nhiều họ nhất với 33 họ (89,2%); ngành hạt trần (Gymnospermatophyta) với 2 họ (5,4%); ngành dương xỉ (Polypodiophyta), ngành thông đất (Lycopodiophyta) mỗi ngành chỉ có 1 họ (2,7%).

*** Bậc họ:**

- Họ có nhiều loài nhất là họ cúc (Asteraceae) với 7 loài, thuộc 7 chi. Sau đó là họ lúa (Poaceae), họ cà (Solanaceae), họ hoa môi (Lamiaceae) với 5 loài thuộc 5 chi. Họ gừng (Zingiberaceae), họ bầu bí (Cucurbitaceae) với 4 loài thuộc 4 chi.

- Có 19 họ có số loài ít nhất (1 loài) gồm: họ thông đất, họ thông, họ ô rô, nhân sâm, họ thuốc bỏng, họ dẻ gai, họ dâu tằm, họ đu đủ, họ mòng toi, họ giáp lá, họ hoa tán, họ gai, họ đậu, họ khoai lang, họ thiên lý, họ cói, họ mã đề, họ củ nâu.

*** Bậc chi:**

Có 69 chi đơn loài chiếm 94,5%, 4 chi đa loài chiếm 5,5%. Các chi đa dạng về loài có: chi Piper, Rubus, Mallotus, Cycas với 2 loài. Còn lại là các chi có 1 loài.

*** Bậc loài:**

Kết quả thu được tại KVNC là 77 loài. Trong đó có 70 loài thuộc ngành hạt kín (Angiospermatophyta) chiếm 90,9%. Các ngành khác, mỗi ngành chỉ có từ 1 - 3 loài (từ 1,3% - 3,9%).

3.2. Đa dạng về sinh cảnh sống của các loài cây dược liệu tại KVNC

Trong quá trình điều tra, chúng tôi đã thống kê được các loài thực vật làm thuốc sống ở những sinh cảnh sau:

- Vườn nhà có 48 loài, chiếm 62,33% tổng số loài.

- Rừng phục hồi có 24 loài, chiếm 31,1% tổng số loài.

- Ven đường có 21 loài, chiếm 27,27% tổng số loài.

- Rừng trồng có 9 loài, chiếm 11,68% tổng

số loài.

- Thảm cây cỏ có 9 loài, chiếm 11,68% tổng số loài.

- Thảm cây bụi có 7 loài, chiếm 9,1% tổng số loài.

Các loài cây dược liệu phân bố rộng ở nhiều sinh cảnh khác nhau. Nhưng tập trung nhiều nhất vẫn là ở vườn nhà. Đây là tiền đề cho việc đầu tư trồng cây dược liệu theo quy mô hộ gia đình. Tập trung nhiều thứ 2 là rừng phục hồi, đây cũng là môi trường thuận lợi cho nhiều cây thuốc sinh trưởng và phát triển. Một số loài sống cùng một lúc trong 2, 3 hoặc 4 sinh cảnh cho thấy khả năng thích nghi cao có thể đầu tư phát triển trồng nhân giống trong điều kiện vườn trồng.

3.3. Giá trị sử dụng của các loài cây dược liệu quan trọng tại khu vực

Dựa vào các tài liệu của Đỗ Tất Lợi 1986, tài nguyên cây thuốc Việt Nam, cây thuốc vườn trường [3],[4],[5], kinh nghiệm của người dân khu vực nghiên cứu chúng tôi đã tiến hành phân loại các nhóm cây theo giá trị sử dụng như sau:

- Nhóm cây chữa bệnh ngoài da có 12 loài như Ké đầu ngựa (Xanthium strumarium), Mướp đắng (Momordica charantia), Vạn niên thanh (Alocasia siamense), Ráy (Alocasia odora), Sỏi đất (Wedelia chinensis)...

- Nhóm cây chữa cảm, ho, hạ sốt có 14 loài như Bồ kết (Gleditsia ferax), Cà độc dược (Datura metel), Cà dại hoa tím (Solanum indicum), Dâu tằm (Morus alba)...

- Nhóm cây chữa bệnh về đường tiêu hóa 11 loài như Gừng (Zingiber officinale), Mâm xôi (Rubus alcaifolius), Ớt (Capsicum annuum), Sim (Rhodomyrtus tomentosa), Riềng (Alpinia officinarum)...

- Nhóm cây chữa tê thấp, đau nhức 13 loài như Cây ba kích (Morinda officinalis), Bồ cốt toái (Drynaria forbesii), Bướm bạc (Mussaenda pubescens), Thiên niên kiện (Homalomena alata)...

- Nhóm cây chữa bệnh phụ nữ có 12 loài

như Diệp cá (*Houttuynia cordata*), Cây cú lộn (*Ageratum conyzoides*), Huyết giác (*Pleomele cochinchipensis*), Ích mẫu (*Leonulus heterophylus*), Ngải cứu (*Artemisia vulgaris*)...

- Nhóm cây chữa bệnh khác 15 loài như Cây sả (*Cymbopogon citratus*), Cây sài đất (*Wedelia chinensis*), Hoa cúc vàng (*Chrysanthemum indicum*), Cây đinh lăng (*Nothopanax fruticosum*)...

3.4. Tình hình khai thác và sử dụng cây dược liệu tại KVNC

3.4.1. Tình hình khai thác

Qua điều tra nghiên cứu, phỏng vấn người dân tại KVNC cho thấy, tài nguyên cây dược liệu tại xã giảm đi rất nhiều. Hầu hết các loài cây có giá trị dược liệu cao đã bị khai thác tới mức chỉ còn các cá thể non chưa đạt tuổi khai thác. Sự gia tăng số lượng người khai thác và việc khai thác bừa bãi, khai thác tận diệt, không có ý thức bảo tồn là nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm nguồn tài nguyên cây thuốc một cách nhanh chóng. Có nhiều loài rất khan hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng cao như Bồ cốt toái (*Drynaria forunei*), Cây đương quy (*Angelica inensis*), Củ khúc khắc (*Similax glara*), Thiên niên kiện (*Homalomena aromtica*), Bướm bạc (*Mussaenda pubescens*)... Mặc dù vậy, tiềm năng về nguồn cây dược liệu ở đây vẫn còn đa dạng, phong phú, đặc biệt là các khu vực rừng tự nhiên, khu vực có địa hình khó tiếp cận.

3.4.2. Mức độ sử dụng cây dược liệu

Người dân tại KVNC thường xuyên sử dụng các loài cây làm thuốc có trong vườn nhà như cây rau ngót, ngải cứu, ích mẫu, bạc hà, nghệ... Công dụng chính là nhằm chữa các bệnh như là cảm, sốt, xương khớp, bệnh phụ nữ... Ngoài ra, họ còn hay vào các khu vực rừng lân cận để tìm các nguồn cây dược liệu không có trong vườn nhà để chữa bệnh. Một số loài cây có giá trị cao như Ba kích có giá khoảng 200.000 - 220.000 đồng/kg (thu mua củ tươi), Củ khúc khắc có giá khoảng 30.000 -

40.000 đồng/kg (thu mua củ tươi), Củ nghệ vàng có giá khoảng 120.000 - 150.000 đồng/kg (thu mua khô), Thiên niên kiện có giá khoảng 60.000 - 80.000 đồng/kg thường được người dân khai thác đem bán ở chợ và cho hội đồng y xã.

Hầu hết các bộ phận cây đều được dùng làm thuốc như rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt, củ. Lá được sử dụng nhiều nhất trong tổng số loài được liệt kê ở 5 nhóm cây chữa bệnh như: đinh lăng, ngải cứu, rau ngót, diệp cá...

3.4.3. Những cây thuốc có tiềm năng khai thác phát triển kinh tế

Trong số các loài cây dược liệu đã được xác định ở KVNC thì có rất nhiều loài không chỉ phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, địa hình của địa phương mà còn có giá trị kinh tế đem lại nguồn thu đáng kể cho người dân như mây, thiên niên kiện, ba kích, củ khúc khắc, gừng, nghệ...

Với những loài cây giá trị kinh tế cao này nếu được nhân trồng trên diện rộng thì đây là một hướng đi mới trong công tác xoá đói, giảm nghèo, phát triển bền vững cho người dân bản địa. Việc gây giống, nhân trồng các loài cây dược liệu quý, có giá trị kinh tế cao không chỉ giúp bảo tồn các nguồn gen quý mà còn tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần tăng hệ số sử dụng đất, đồng thời nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ tài nguyên rừng, nguồn cây dược liệu quý.

3.5. Đề xuất giải pháp

Để có thể sử dụng hiệu quả nguồn cây dược liệu tại địa phương, chúng tôi đề xuất các giải pháp về nâng cao giá trị sử dụng và bảo tồn.

3.5.1. Giải pháp nâng cao giá trị sử dụng

Phát triển sử dụng cây dược liệu theo hướng y học cổ truyền, tổ chức nghiên cứu thừa kế các bài thuốc trong nhân dân có tác dụng chữa bệnh.

Tổ chức đào tạo, tập huấn và tuyên truyền cho nhân dân để nâng cao nhận thức bảo tồn, sử dụng nguồn tài nguyên cây dược liệu.

Xúc tiến nghiên cứu trồng thử nghiệm các

loài cây thuốc có giá trị trong tự nhiên.

Khuyến khích các hộ gia đình trồng những cây thuốc có giá trị như hoè, đinh lăng, ba kích...

Tạo liên kết giữa các hộ nông dân và doanh nghiệp nhằm giúp cho sản phẩm cây dược liệu có đầu ra ổn định, nâng cao đời sống kinh tế của người dân địa phương.

3.5.2. Giải pháp bảo tồn

Trồng một số loài dược liệu phù hợp với điều kiện địa phương và có giá trị kinh tế cao.

Tổ chức đào tạo tập huấn cho các hộ dân đang sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực dược liệu về vấn đề trồng và thu hái. Hướng dẫn các kỹ thuật thu hái, chế biến, bảo quản nhằm đảm bảo chất lượng dược liệu.

Xây dựng các mô hình vườn bảo tồn có thể kinh doanh sản phẩm là phương thức bảo tồn khả thi. Như vậy các hộ nông dân trồng cây thuốc trong vườn nhà hay trong vườn rừng vừa hỗ trợ bảo tồn nguồn gen cây thuốc, vừa tạo thu nhập cho gia đình, nâng cao đời sống kinh tế.

Đề cao vai trò của người bản địa trong việc

giữ gìn tài sản tri thức của gia đình, cộng đồng mình bổ sung vào kiến thức y học cổ truyền địa phương.

Củng cố và xây dựng các tổ chức cộng đồng liên quan đến quản lý bảo vệ và phát triển cây dược liệu ở từng thôn xóm.

Tăng cường công tác vận động người dân ý thức bảo vệ và phát triển cây dược liệu địa phương.

4. Kết luận

Xã Quy Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình là địa phương có nguồn cây dược liệu rất phong phú và đa dạng về thành phần loài. Tuy nhiên, do tình hình khai thác quá mức đã làm suy giảm đáng kể nguồn tài nguyên này trong tự nhiên. Bên cạnh đó, do sự kê thừa về các bài thuốc dân gian của người dân ở đây đang dần mai một khiến cho công dụng, giá trị sử dụng của các loài cây dược liệu ở đây càng thưa dần. Qua những giải pháp trên có thể giúp các nhà quản lý trong việc định hướng, hỗ trợ người dân tại đây khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên quý giá này ■

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2002), Tên cây rừng Việt Nam, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- [2]. Võ Văn Chi (1996), Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb Y học, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Hữu Đăng (1997), Cây thuốc vườn trường, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4]. Lê Trần Đức (1995), Cây thuốc Việt Nam, Nxb Nông nghiệp.
- [5]. Đỗ Tất Lợi (1986), Những cây thuốc và vị thuốc ở Việt Nam, Nxb Khoa học Kỹ thuật Hà Nội.
- [6]. Phạm Hoàng Hộ (1991-1993), Cây cỏ Việt Nam, Montreal, Canada, 3 tập.

Hình ảnh minh họa một số cây dược liệu



Cây sài đất



Cây đương quy